

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 312

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Quảng Nam.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh. B. Có các đồng bằng phù sa.
C. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa. D. Có một số sông lớn nhiều nước.

Câu 43: Địa hình nào sau đây tập trung chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc?

- A. Sơn nguyên. B. Núi cao. C. Đồng bằng. D. Hoang mạc.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 9 chạy qua tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Thanh Hóa.

Câu 45: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. khoáng sản phong phú. B. tổng bức xạ lớn.
C. sông ngòi dày đặc. D. địa hình đa dạng.

Câu 46: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có quy mô dân số lớn. B. Có nhiều dân tộc ít người.
C. Gia tăng tự nhiên rất cao. D. Dân tộc Kinh là đông nhất.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết than đá có ở nơi nào sau đây?

- A. Cổ Định. B. Cẩm Phả. C. Quỳnh Châu. D. Tiền Hải.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Đắk Nông.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Quảng Nam.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết nhà máy thủy điện A Vương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Thừa Thiên Huế. D. Bình Định.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây có khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Cù Lao Chàm. B. Bái Tử Long. C. Ba Vì. D. Tam Đảo.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao hơn cả?

- A. Kiêu Liêu Ti. B. Phia Ya. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phia Uất.

Câu 53: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	183,5	225,7	210,5	181,8
Nhập khẩu	169,2	229,4	217,5	179,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu. B. Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2015.
C. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu. D. Giá trị nhập siêu năm 2012 lớn hơn năm 2014.

Câu 54: Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay?

- A. Tỷ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng qua các năm.
- B. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành trong GDP diễn ra rất nhanh.
- C. Đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- D. Đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

Câu 55: Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Gió phơn Tây Nam.
- B. Gió mùa Tây Nam.
- C. Gió mùa Đông Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

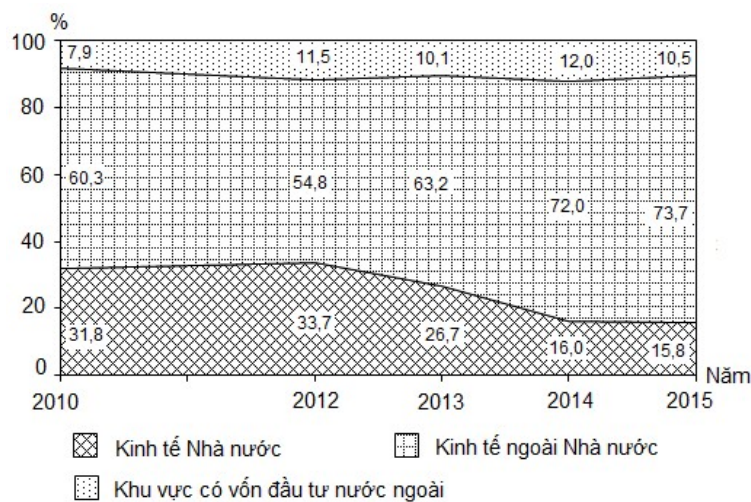
Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cà Mau?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các quốc gia trong ASEAN hiện nay?

- A. Chú trọng việc bảo vệ môi trường.
- B. Phong tục, tập quán có sự tương đồng.
- C. Có trình độ phát triển giống nhau.
- D. Tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia.

Câu 58: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DOANH THU DỊCH VỤ LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- C. Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, kinh tế Nhà nước tăng.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?

- A. Nuôi trồng của Nam Định nhỏ hơn Quảng Bình.
- B. Nuôi trồng của Nghệ An nhỏ hơn Hà Tĩnh.
- C. Khai thác của Quảng Ninh nhỏ hơn Quảng Trị.
- D. Khai thác của Thanh Hóa lớn hơn Ninh Bình.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường sông nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện vận tải ít được cải tiến.
- B. Trang thiết bị cảng sông còn lạc hậu.
- C. Tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.
- D. Tuyên đường sông dày đặc khắp cả nước.

Câu 61: Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

- A. giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.
- B. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. thay đổi phân bố dân cư trong vùng.
- D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 62: Các ngành công nghiệp kỹ thuật cao của Trung Quốc trong những năm gần đây phát triển nhanh chủ yếu là do

- A. chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo ngành, tăng cường vốn đầu tư.
- B. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- C. thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ứng dụng công nghệ mới.
- D. mở rộng thị trường tiêu thụ, sử dụng lực lượng lao động đông.

Câu 63: Nhân tố nào sau đây có tác động mạnh nhất đến phát triển giao thông vận tải biển nước ta hiện nay?

- A. Sản xuất trong nước phát triển, đẩy mạnh xuất, nhập khẩu.
- B. Có nhiều tỉnh giáp biển, lượng hàng hóa vận chuyển tăng.
- C. Vị trí ở gần các tuyến hàng hải quốc tế, nhiều vũng, vịnh.
- D. Vùng biển có diện tích rộng, thông với Thái Bình Dương.

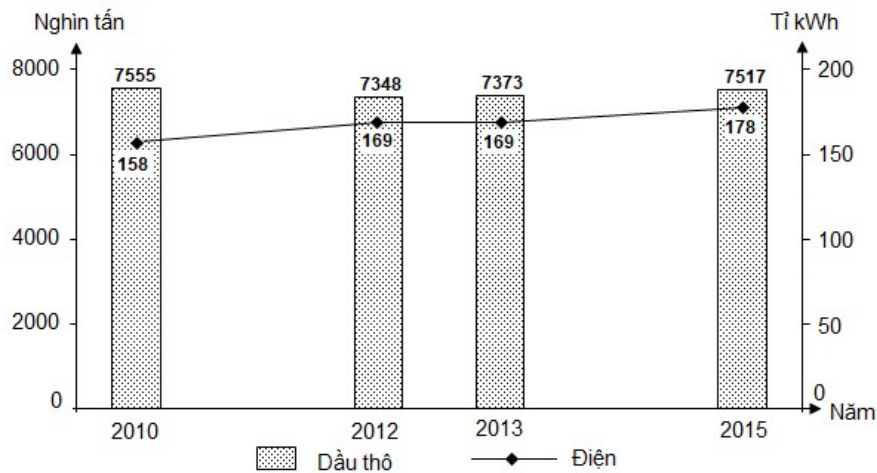
Câu 64: Điều kiện thuận lợi chủ yếu để Nhật Bản phát triển đánh bắt hải sản là

- A. công nghiệp chế biến phát triển.
- B. có truyền thống đánh bắt lâu đời.
- C. ngư dân có nhiều kinh nghiệm.
- D. có nhiều ngư trường rộng lớn.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc nước ta?

- A. Có trình độ phát triển kinh tế cao nhất.
- B. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.
- C. Chất lượng lao động vào loại hàng đầu.
- D. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất.

Câu 66: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Thái Lan, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô, điện của Thái Lan, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng dầu thô, điện của Thái Lan, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Thái Lan, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô, điện của Thái Lan, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 67: Công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô của Đông Nam Á phát triển nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- B. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.
- C. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật.
- D. thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn trong nước.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về công nghiệp năng lượng nước ta?

- A. Nhà máy điện Cà Mau chạy bằng nhiên liệu khí.
- B. Từ Thanh Hóa đến Huế nhiều nhà máy điện nhất.
- C. Nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông Đà.
- D. Sản lượng điện cả nước tăng liên tục qua các năm.

Câu 69: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do

- A. phát triển việc nuôi trồng thủy sản.
- B. thu hút nguồn đầu tư nước ngoài.
- C. đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ.
- D. hình thành các vùng lúa thâm canh.

Câu 70: Mục đích chính của việc hình thành các khu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- C. cung cấp các sản phẩm cho xuất khẩu.
- D. góp phần giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 71: Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

- A. giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.
- B. khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.
- D. tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

Câu 72: Để khai thác theo chiều sâu trong công nghiệp có hiệu quả lâu dài, Đông Nam Bộ cần quan tâm chủ yếu đến vấn đề nào sau đây?

- A. Phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.
- B. Thu hút đầu tư về vốn, khoa học và công nghệ.
- C. Sử dụng hợp lý số lao động đông và có trình độ.
- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 73: Nước ta cần phải xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu nhằm

- A. khai thác lợi thế về tài nguyên.
- B. khai thác thế mạnh về lao động.
- C. nâng cao chất lượng sản phẩm.
- D. thích nghi với cơ chế thị trường.

Câu 74: Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.
- B. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.
- C. lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.
- D. thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

Câu 75: Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.
- B. Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.
- C. Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng.
- D. Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

Câu 76: Thuận lợi chủ yếu của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo điều kiện để

- A. sản xuất nông sản nhiệt đới.
- B. nâng cao trình độ thâm canh.
- C. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.
- D. nâng cao hệ số sử dụng đất.

Câu 77: Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai.
- B. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp.
- C. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản.
- D. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế.

Câu 78: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị kinh tế của cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. phát triển mô hình kinh tế trang trại.
- B. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- C. nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- D. phát triển mạnh công nghiệp chế biến.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu và thu đông	Lúa mùa
2005	7329,2	2942,1	2349,3	2037,8
2016	7790,4	3082,2	2806,9	1901,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô diện tích lúa và cơ cấu của nó phân theo mùa vụ năm 2005 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 80: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay?

- A. Nhiều nơi xâm nhập mặn diễn ra rất nghiêm trọng.
- B. Nguồn giống tự nhiên ở một số vùng khan hiếm.
- C. Diện tích mặt nước ngày càng bị thu hẹp nhiều.
- D. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra trên diện rộng.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.